

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG  
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số:238/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16 / 9/ 2022

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và  
gia đình”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Đại.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dương

Ông Trần Văn Luyện

Thư ký phiên toà: Ông Phan Văn Kiên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình thụ lý số 150/2022/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 về việc: " Ly hôn, tranh chấp tài sản chung khi ly hôn " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2022/QĐXX - ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị K - Sinh năm 1964

Địa chỉ: Xóm 4, xã T, huyện Đ, tỉnh N. Có mặt.

*Bị đơn:* Ông Hồ Sỹ C - Sinh năm 1961

Địa chỉ: Xóm 4, xã T, huyện Đ, tỉnh N. Có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Hồ Thị Đ, sinh năm 1985

2. Anh Nguyễn Tất D, sinh năm 1982

Địa chỉ: xóm 8, xã T, huyện Đ, tỉnh N. Có mặt

3. Chị Hồ Thị H, sinh năm 1989

4. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1988

Địa chỉ: xóm 5. Xã M, huyện Đ, tỉnh N. Có mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị K trình bày:* Bà Nguyễn Thị K và ông Hồ Sỹ C lấy nhau và kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh N vào ngày 06/6/1984, sau khi kết hôn vợ chồng được vài năm đầu tình cảm. Sau đó thì ông C luôn có hành động chửi bới, đánh đập, xúc phạm vợ và chửi bới cả đấng ngoại, bà suốt 30 năm phải chịu đựng, bà cố gắng duy trì hạnh phúc vì con cái trưởng thành, bà thậm chí cùng con trai bị đe dọa cả tính mạng, bà phải trốn không về nhà vì sợ chồng đánh đập. Ở như vậy thấy cuộc sống không hạnh phúc và không thể duy trì được nữa nên quyết định ly hôn với ông Hồ Sỹ C.

Về con chung: Theo bà K trình bày quá trình chung sống bà và ông C có 03 người con chung gồm: Hồ Thị Đ, sinh năm 1985; Hồ Thị H, sinh năm 1989 và Hồ Sỹ H sinh năm 1991. Hiện tại Hồ Thị Đ và Hồ Thị H đã có chồng và lập gia đình ở riêng và đã trưởng thành, Hồ Sỹ H đã đủ 18 tuổi, trưởng thành tự lo cho bản thân và bà không yêu cầu về giải quyết nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: vợ chồng có 01 ngôi nhà 2 gian, một nhà bếp và 01 nhà ràn 03 gian và một số tài sản khác trên thửa đất 847 m<sup>2</sup> tại xóm 4 xã T mang tên của vợ chồng. Nay yêu cầu giải quyết ly hôn bà có nguyện vọng yêu cầu chia đôi tài sản chung và ½ diện tích đất mang tên vợ chồng của vợ chồng để làm nhà ở cho con trai sau khi ly hôn

Về nợ: bà K trình bày vợ chồng không vay nợ của ai và cũng không cho ai vay cả kể cả con cái trong gia đình và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2022 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Hồ Sỹ C trình bày:*

Ông C và bà K lấy nhau hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thượng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An do kết hôn thời gian đã lâu ông không nhớ ngày tháng cụ thể. Nguyên nhân ly hôn là do con trai sa vào tệ nạn cờ bạc, không nghe lời bố, được mẹ bao bọc dạy bảo không nghe còn đòi đâm bố, vợ tự bỏ nhà đi năm 2014 và có quan hệ ngoại tình và đưa lên Ủy ban nhân dân xã hòa giải, ông cho rằng, ông không đánh đập vợ, vợ tự bỏ đi thì tự về. Nếu bà K giữ nguyên yêu cầu ly hôn thì do pháp luật giải quyết.

Về con chung của vợ chồng: ông C trình bày ông và bà K có 03 con chung hiện nay con chung đã trưởng thành, có gia đình và tự lập nên không yêu cầu giải quyết nuôi con chung như bà K đã trình bày.

Về tài sản chung của vợ chồng, theo ông C trình bày vợ chồng có một ngôi nhà cấp 4 hai gian và 01 nhà ngang và một số tài sản và diện tích đất hơn 800m<sup>2</sup>, hiện nay bìa đỏ do bà K cất giữ. Về nguyện vọng ông C khi giải quyết ly hôn thì tài sản chung giải quyết theo quy định pháp luật, còn đất ở nếu chia thì chia dọc cho hai vợ chồng ai cũng có lối đi vào.

Về nợ chung: Theo ông C khai vợ chồng có cho con gái Hồ Thị Đ và con rể Nguyễn Tất D vay số tiền 250.000.000đ để mua đất vào năm 2017 và cho con gái Hồ Thị H và con rể Nguyễn Văn Đ vay 140.000.000đ để làm nhà năm 2015. Nay giải quyết ly hôn cần buộc vợ chồng hai con gái của tôi phải trả lại số tiền trên cho vợ chồng tôi.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chi Hồ Thị Đ và anh Nguyễn Tất D trình bày:*

Chị Đ và anh D không thừa nhận việc vay số tiền 250.000.000đ của bố mẹ ông C và bà K và không có trách nhiệm phải trả số nợ trên.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chi Hồ Thị H và anh Nguyễn Văn Đ trình bày:*

Chị Hoài và anh Đ không thừa nhận việc vay số tiền 140.000.000đ của bố mẹ ông C và bà K và chị H và anh Đ không có trách nhiệm phải trả số nợ trên do ông C yêu cầu.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán và chấp hành pháp luật những người tham gia tố tụng là đảm bảo đúng quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án :

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- Về quan hệ tình cảm: Xử cho bà Nguyễn Thị K được ly hôn với ông Hồ Sỹ C
- Về con chung: Không xét
- Về tài sản: Đề nghị chia đôi khối tài sản chung của vợ chồng cho bà Nguyễn Thị K và ông Hồ Sỹ C. Ông Hồ Sỹ C phải trích số tiền chênh lệch trị giá tài sản chung cho bà Nguyễn Thị K

- Về nợ chung của vợ chồng: Không chấp nhận yêu cầu của ông Hồ Sỹ C buộc chị Hồ Thị Đ, anh Nguyễn Tất D và chị Hồ Thị H, anh Nguyễn Văn Đ phải trả nợ chung cho ông Hồ Sỹ C và bà Nguyễn Thị K.
- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị K chịu án phí ly hôn và bà Nguyễn Thị K và ông Hồ Sỹ C phải chịu án phí chia tài sản chung vợ chồng theo giá ngạch.
- Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp tài sản chung đối với ông Hồ Sỹ C hiện cư trú tại địa chỉ xóm 4, xã T, huyện Đ, tỉnh N, do đó theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng năm 2015 đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Theo bà Nguyễn Thị K và ông Hồ Sỹ C trình bày bà K và ông C lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 1985 nhưng không xuất trình được giấy chứng nhận kết hôn do bị thất lạc, hiện nay lưu đăng ký kết hôn hiện nay không còn. Xét thấy hôn nhân giữa bà K và ông C kết hôn vào năm 1985 trên cơ sở tự nguyện không vi phạm các điều kiện kết hôn. Các đương sự cho rằng vợ chồng có đăng ký tại UBND xã T nh- ng hiện nay Giấy đăng ký kết hôn đã bị thất lạc và theo biên bản xác minh của TAND huyện Đô Lương tại UBND xã T hiện nay sổ kết hôn của UBND xã T năm 1985 hiện không còn l- u giữ. Mặc dù không còn giấy đăng ký kết hôn nh- ng quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông C xác lập tr- ớc ngày 03 / 01 1987, theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội n- ớc CHXHCN Việt Nam và tại mục 1 của Thông t- liên tịch số 01/2001/TTLT- TANDTC- VKSNDTC- BTP ngày 03/ 01/ 2001 của TAND Tối cao, VKSND Tối cao và Bộ T- pháp thì đây đ- ợc chấp nhận là hôn nhân hợp pháp và đ- ợc pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do giữa bà K và ông C bất đồng trong quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau, thường xuyên cãi cọ, chửi bới xúc phạm lẫn nhau, không có trách nhiệm với nhau trong cuộc sống gia đình và hiện nay vợ chồng sống ly thân một thời gian dài. Quá trình phát sinh mâu thuẫn, chính quyền địa phương, họ hàng nội ngoại và Toà án đã hoà giải

hiều lần nhưng không thành. Xét giữa hôn nhân giữa bà K và ông C mâu thuẫn đời sống chung vợ chồng đã đến mức trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của bà K được ly hôn với ông C là phù hợp với quy định tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống bà K và ông C có 03 người con chung gồm: Hồ Thị Đ, sinh năm 1985; Hồ Thị H, sinh năm 1989 và Hồ Sỹ H sinh năm 1991 đã đủ 18 tuổi, trưởng thành, hai con gái đã đi lấy chồng có gia đình riêng và các đương sự không có yêu cầu về giải quyết nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung. Nên miễn xét

[4]. Về tài sản chung: Căn cứ lời khai trình bày và cung cấp chứng cứ của các bên đương sự và kết quả biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản chung vợ chồng bà Nguyễn Thị K và ông Hồ Sỹ C lập ngày 14 / 7/ 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương đã xác định được: Tài sản chung của vợ chồng bà K và ông C gồm có: 01 thửa đất số 348, tờ bản đồ số 19 tại xóm 4, xã T, huyện Đ, tỉnh N, có diện tích 936,4 m<sup>2</sup>, có tứ cận: Phía đông giáp đường liên thôn, phía Tây giáp hộ ông Nguyễn Tất V và ông Hồ Sỹ H, Phía Nam giáp hộ ông Hồ Sỹ L và phía Bắc giáp hộ ông Nguyễn Hàm Vi, có trị giá là 468.200.000đ và 01 ngôi nhà 02 gian cấp 4 trị giá 25.000.000đ ; 01 ngôi nhà ngang cột gỗ đã cũ; 01 giếng nước không yêu cầu định giá. Tổng trị giá toàn bộ tài sản chung của vợ chồng bà K và ông C là 493.200.000đ

Xét nguồn gốc tài sản chung : Đối với tài sản diện tích đất tại thửa đất số 348, tờ bản đồ số 14 tại xóm 4, xã T, huyện Đ thuộc quyền sử dụng của ông Hồ Sỹ C và bà Nguyễn Thị K. Căn cứ sơ đồ kết quả đo đạc ranh giới theo hiện trạng ngày 14/7/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đô Lương đối với thửa 348 với diện tích 936,4 tăng so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đo đạc năm 2017 là 89,3 m<sup>2</sup>. Diện tích đất tăng thêm này bà K và ông C sử dụng ổn định từ đó đến nay có khuôn viên và không có tranh chấp với hộ liền kề và tại công văn số 106 của UBND xã T cung cấp: nguồn gốc thửa đất số 348, tờ bản đồ số 19. Diện tích 847 m<sup>2</sup> có nguồn gốc của ông cha sử dụng trước ngày 18/12/1980 đến năm 1983 ông Hồ Sỹ C và bà Nguyễn Thị K trực tiếp toàn bộ thửa đất. Đến năm 1996 được UBND huyện Đô Lương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Như vậy xét nguồn gốc , quá trình sử dụng diện tích đất trên là tài sản chung của vợ đều thống nhất nguồn gốc tài sản được tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân. Do vậy xác định nhà đất và các tài sản theo kết quả biên bản thẩm định, định giá tài sản ngày 14/7/2022 là tài sản chung của vợ chồng bà K và ông C để chia khi ly hôn để đảm bảo quyền lợi cho các bên. Về xét công sức vợ chồng đóng góp vào khối tài

sản chung của bà K và ông C là ngang nhau nên mỗi người được hưởng  $\frac{1}{2}$  trị giá tài sản chung của vợ chồng.

Theo nguyện vọng bà K muốn được chia đất để ở sau này làm nhà cho con trai hiện nay đang đi xuất khẩu lao động chưa có chỗ ở và ông C cho rằng đất của vợ chồng có nguồn gốc là của bố mẹ ông để lại, bản thân ông muốn giữ nhà và đất lại bởi ông là con trai trưởng còn làm nhà thờ của họ tộc, Nếu giải quyết ly hôn ông C đề nghị chia dọc thửa đất để người nào cũng có lối đi vào nhà và giáp với đường xóm. Xét nguyện vọng của các đương sự đều chính đáng, do vậy cần giao phần đất gắn liền nhà ở cấp 4 và ngôi nhà ngang cột gỗ cho ông Ch sử dụng để ông C có chỗ ở sau khi ly hôn và có trách nhiệm thờ cúng bố mẹ sau này và chia một phần diện tích đất chưa có công trình kiên cố trên đất cho bà K sử dụng để tạo lập chỗ ở sau khi ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật. Cụ thể giao cho bà K quyền sử dụng 358,4 m<sup>2</sup> và giao cho ông C quyền sở hữu và quyền sử dụng đất 578,0 m<sup>2</sup> gắn liền với ngôi nhà cấp 4 và nhà ngang cột gỗ. Xét thấy công sức đóng góp vào khối tài sản chung là ngang nhau nên mỗi người được sở hữu  $\frac{1}{2}$  trị giá tài sản chung vợ chồng, do vậy ông C phải trích tiền chênh lệch chia trị giá tài sản chung cho Bà K để đảm bảo quyền lợi cho bà Kỳ.

Từ những phân tích trên, Khối tài sản chung của vợ chồng bà K và ông C được phân chia như sau:

Về chia tài sản quyền sử dụng đất và hiện vật:

- Chia cho chị Bà Nguyễn Thị K quyền sử dụng diện tích đất 358,4 m<sup>2</sup> thuộc thửa số 348 tờ bản đồ số 19, địa chỉ xóm 4, xã Thượng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An trị giá 179.200.000 đ, có tứ cận: phía Đông giáp đường Liên Thôn, phía tây nam giáp đất hộ gia đình ông Nguyễn Tất V và đất gia đình ông Hồ Sỹ H, phía nam giáp phần đất chia cho ông Hồ Sỹ C, phía Bắc giáp phần đất ông Nguyễn Hàm V và sở hữu 01 nhà Ràn và 01 giếng nước (không yêu cầu định giá) trên phần đất được chia. Tổng trị giá tài sản bà K được chia là 179.200.000đ,

- Chia cho ông Hồ Sỹ C quyền sử dụng diện tích 578,0 m<sup>2</sup> thuộc thửa số 348 tờ bản đồ số 19, địa chỉ xóm 4, xã Thượng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An trị giá 289.000.000đ, có tứ cận: phía Đông giáp đường Liên thôn, phía Tây giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị K, phía Nam giáp phần đất ông Hồ Sỹ L, phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Hàm V và quyền sở hữu 01(một) ngôi nhà cấp 04, trị giá 25.000.000đ; 01 (một) ngôi nhà ngang không yêu cầu định giá. Tổng trị giá tài sản ông C là 314.000.000đ

Ông Hồ Sỹ C có trách nhiệm trích tiền chênh lệch tài sản chung được chia cho bà Nguyễn Thị K số tiền là 67.400.000đ.

[5]. Về khoản nợ chung của vợ chồng: Theo ông C trình bày: vợ chồng ông trong thời gian chung sống có cho gia đình con gái Hồ Thị Đ và Nguyễn Tất D vay số tiền 250.000.000đ mục đích vay là để mau đất và cho gia đình con gái Hồ Thị H và Nguyễn Văn Đ vay số tiền 140.000.000đ mục đích vay để làm nhà nhưng ông C không cung cấp được giấy tờ, bằng chứng xác nhận việc vợ chồng đã cho gia đình hai con gái vay các khoản tiền trên, mặt khác bà K (vợ ông C) trình bày không có việc vợ chồng cho gia đình hai con gái vay số tiền như trên và chị Hồ Thị Đ, anh Nguyễn Tất D, chị Hồ Thị H và anh Nguyễn Văn Đ không thừa nhận việc vay nợ với vợ chồng ông C theo như yêu cầu của ông C. Ông C cũng không xuất trình chứng cứ chứng minh cho việc đã cho những người trên vay nợ. Do vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của Ông C buộc chị Hồ Thị Đ, anh Nguyễn Tất D, chị Hồ Thị H và anh Nguyễn Văn Đ trả nợ cho ông C bà K được.

[6]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị K phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và bà Nguyễn Thị K và ông Hồ Sỹ C phải nộp án phí chia tài sản chung theo giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[7]. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị K đã nộp tiền tạm ứng lệ phí thẩm định định giá tài sản với số tiền là 3.000.000đ ( đã quyết toán chi phí hết cho việc thẩm định, định giá tài sản chung vợ chồng). Mỗi bên đương sự phải chịu  $\frac{1}{2}$  tiền chi phí, thẩm định tài sản Nay cần buộc ông Hồ Sỹ C phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị K 1.500.000đ tiền lệ phí thẩm định, định giá tài sản.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51, 56, 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình, điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị K

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị K được ly hôn với ông Hồ Sỹ C

2. *Về con chung:* Bà Nguyễn Thị K và ông Hồ Sỹ C có 03 chung Hồ Thị Đ, sinh năm 1985; Hồ Thị H, sinh năm 1989 và Hồ Sỹ H sinh năm 1991 đã đủ 18 tuổi, trưởng thành. Nên miễn xét.

3. *Về tài sản chung:*

- Chia cho chị Bà Nguyễn Thị K quyền sử dụng diện tích đất 358,4 m<sup>2</sup> thuộc thửa số 438 tờ bản đồ số 19, địa chỉ xóm 4, xã Thượng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh

Nghệ An trị giá 179.200.000 đ, có tứ cận: phía Đông giáp đường Liên Thôn, phía tây nam giáp đất hộ gia đình ông Nguyễn Tất V và đất gia đình ông Hồ Sỹ H, phía nam giáp phần đất chia cho ông Hồ Sỹ C, phía Bắc giáp phần đất ông Nguyễn Hàm Việt và sở hữu 01 nhà Ràn và 01 giếng nước ( không yêu cầu định giá) trên phần đất được chia. Tổng trị giá tài sản bà K được chia là 179.200.000đ (một trăm bảy mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng)

- Chia cho ông Hồ Sỹ C quyền sử dụng diện tích 578,0 m<sup>2</sup> thuộc thửa số 348 tờ bản đồ số 19, địa chỉ xóm 4, xã Thượng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An trị giá 289.000.000đ, có tứ cận: phía Đông giáp đường Liên thôn, phía Tây giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị K, phía Nam giáp phần đất ông Hồ Sỹ L, phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Hàm V và quyền sở hữu 01(một) ngôi nhà cấp 04, trị giá 25.000.000đ; 01 (một) ngôi nhà ngang không yêu cầu định giá, Tổng trị giá tài sản ông C là 314.000.000đ( ba trăm mười bốn triệu đồng)

( Diện tích đất phân chia có sơ đồ phân chia đất kèm theo)

Ông Hồ Sỹ C phải trích số tiền trị giá chênh lệch tài sản chung của vợ chồng cho bà Nguyễn Thị K với số tiền là 67.400.000đ ( sáu mươi bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng)

4. Về các khoản nợ chung: Không chấp nhận yêu cầu của ông Hồ Sỹ C buộc buộc chị Hồ Thị Đ, anh Nguyễn Tất D, chị Hồ Thị H và anh Nguyễn Văn Đ trả nợ chung cho ông C bà K.

#### 5. Về án phí:

- Buộc bà Nguyễn Thị K phải nộp 300.000<sup>d</sup> ( Ba trăm nghìn đồng ) án phí ly hôn sơ thẩm và phải nộp 12.330.000<sup>d</sup> ( Mười hai triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng) án phí chia tài sản theo giá ngạch. Tổng cộng bà K phải nộp: 12.630.000<sup>d</sup> tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.300.000<sup>d</sup> ( Bốn triệu ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương theo biên lai thu tiền số 00002564 ngày 03 tháng 6 năm 2012. Bà Nguyễn Thị K còn phải nộp 8.330.000<sup>d</sup> (Tám triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc ông Hồ Sỹ C phải nộp 12.330.000<sup>d</sup> (Mười hai triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng) án phí chia tài sản chung theo giá ngạch.

6. Về lệ phí thẩm định, định giá tài sản: Ông Hồ Sỹ C phải trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền 1.500.000đ ( một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền lệ phí thẩm định, định giá tài sản.



Kể từ ngày bản án quyết định có hiệu lực pháp luật ( đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án ( đối với khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tr- ờng hợp bản án đ- ợc thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Chi cục THADS huyệnĐô Lương;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu.

*( Đã ký)*

**NGUYỄN XUÂN ĐẠI**





